TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17- 9-2019
V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thương
Bà Huỳnh Thị Thuận

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 5 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐHPT-HN ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H- sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 2 ấp H, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 19, ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2019 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, vào năm 2014, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT (Theo giấy chứng nhận kết hôn 15 ngày 27-3-2014).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan

điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau về vấn đề kinh tế, anh T không quan tâm lo lắng cho cuộc sống gia đình. Chị H đã cố gắng tác động gia đình hai bên để hóa giải mâu thuẫn nhưng anh T vẫn không thay đổi, vì vậy mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, không thể chung sống được nữa nên phải ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay.

Trong thời gian ly thân, hai bên có gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn nhưng không thành. Nay, hai bên không thể quay về đoàn tụ đồng thời chị H không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 4 tháng 6 năm 2016. Từ khi ly thân đến nay, cháu T1 sống trực tiếp với chị H. Nay, chị H yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến nên không thể lấy ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã triệu tập nhiều lần không đến là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện nay có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T .

[2] Về nội dung:

[2.1] **Về yêu cầu ly hôn:**

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cải vã. Vì vậy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, phải ly thân nhau từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Nay, chị H xác định không còn tình cảm với anh T và yêu cầu ly hôn.Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên quay về đoàn tụ nhưng anh T không đến, bỏ mặc chị H muốn làm gì thì làm điều đó cho thấy anh T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai người.

Xét, tình cảm vợ chồng là sự tự nguyện giữa hai người, khi một bên không còn tình cảm gắn bó, không thể chung sống thuận hòa và đã ly thân nhau trong một thời gian dài, không thể quay về đoàn tụ thì mục đích hôn nhân không đạt được và không thể xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] **Về nuôi con chung**: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 4 tháng 6 năm 2016. Từ khi ly thân đến nay, cháu T1 sống trực tiếp với chị H. Nay, chị H yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Qúa trình giải quyết, anh T không có ý kiến hoặc yêu cầu gì. Xét, cháu T1 còn nhỏ, đã sống ổn định với mẹ đồng thời không có chứng cứ gì chứng minh chị H không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, giao cháu T1 cho chị H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị H không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung**: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu giải quyết; anh Nguyễn Văn T cũng không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn với anh Nguyễn Văn T

.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao con chung là cháu tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 4 tháng 6 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, xem xét giải quyết

Sau khi ly hôn, chị H và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số TU/2017/0010700 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI THẨM XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền